

ĐÁNH GIÁ CÁC GIẢI PHÁP HẠN CHẾ MỨC ĐỘ ĐÔ LA HÓA

Nguyễn Thiện Cường
ĐH Ngân hàng TP.HCM

Đô la hóa (ĐLH) được đề cập ở nước ta từ khi nền kinh tế bắt đầu mở cửa năm 1986 và nhất là sau khi trải qua tình hình lạm phát nghiêm trọng cuối thập niên 1980. Hơn 20 năm qua, ĐLH tồn tại cùng với nền kinh tế tuy mang lại một vài lợi ích nhưng vẫn có những bất lợi. Với mục tiêu nâng cao giá trị đồng Việt Nam và nhằm hạn chế những bất lợi, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã đưa ra các chính sách và thực hiện nhiều giải pháp để giảm mức độ ĐLH, nhất là từ đầu năm 2011 đến nay. Trong phạm vi bài viết, tác giả giới thiệu sơ lược về ĐLH nói chung và ĐLH ở Việt Nam nói riêng trong vài năm trở lại đây; đồng thời đi sâu nghiên cứu, phân tích các chính sách đã được thực hiện nhằm mục tiêu giảm mức độ ĐLH trong thời gian qua và đưa ra một số gợi ý chính sách trong thời gian tới.

Sơ lược về đô la hóa

ĐLH là thuật ngữ diễn tả sự hiện diện rộng rãi, chính thức hay không chính thức một số lượng lớn ngoại tệ mạnh là USD bên cạnh đồng tiền bản địa, thực hiện chức năng thanh toán, tín dụng hay dự trữ giá trị và thường diễn ra tại các nước nhỏ, các nước đang phát triển hoặc các nước đang chuyển đổi. Theo tiêu chí của Quỹ Tiền tệ Thế giới, nền kinh tế được coi là có tình trạng ĐLH cao khi tỷ trọng tiền gửi bằng ngoại tệ (FCD) chiếm trên 30% trong khối tiền tệ mở rộng (M2) (Connie Mack, 1999). Thông thường, để hạn chế ĐLH thì các chính sách thắt chặt quản lý ngoại hối nhằm tập trung ngoại tệ về nhà nước, đảm bảo cung cầu ngoại tệ thông suốt được áp dụng. Đó có thể là chính

sách kết hối ngoại tệ bắt buộc như Trung Quốc đã thi hành, theo đó các nguồn thu ngoại tệ của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội (trừ các doanh nghiệp FDI) phải bán hết cho các ngân hàng được ủy quyền hay chủ động trong điều hành tỷ giá như Thái Lan, Malaysia đã áp dụng (Vũ Giang, 2011) hay tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc (DTBB) ngoại tệ lên cao, điển hình như Brasil từng áp dụng chính sách tăng DTBB lên đến 35% (Thanh Loan, 2011)... Ngoài ra, điều quan trọng nhất để hướng tới kế hoạch phi

ĐLH là tăng cường niềm tin của người dân đối với đồng nội tệ thông qua tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, ổn định tỷ giá, cải cách chính sách tiền tệ và tăng cường năng lực của các thể chế tài chính.

Thực trạng đô la hóa ở Việt Nam và các chính sách đã thi hành cùng kết quả đạt được

Dưới góc độ ĐLH tiền gửi thì mức độ ĐLH ở nước ta có xu hướng giảm từ mức 23,05% vào năm 2005, xuống còn 16,6% tính đến tháng 8/2011

Bảng 1: Tổng hợp các chỉ tiêu FCD/M2, lạm phát, kiều hối

Năm		2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	
FCD	Nghìn tỷ đồng	159,2	199,5	258,6	330,4	427,1	430,8	474,9	Tính đến
M2		690,7	922,7	1348,2	1622,1	2092,4	2622,7	2860,1	
FCD/M2 (%)		23,05	21,62	19,18	20,37	20,41	16,40	16,60	T8
Lạm phát (%)		8,4	6,6	12,63	19,89	6,52	11,75	16,63	T9
Kiều hối (tỷ USD)		3,8	4,5	5,5	7,2	6,3	8,0	5,6	T7

Nguồn: FCD/M2: IMF (2006-2010), Lê Phan Thị Diệu Thảo (2011), Nguyễn Minh Cường (2011), Văn Hiếu (2010); Lạm phát: Tổng cục Thống kê (2011); Kiều hối: Thanh Xuân, Anh Vũ (2011); Khánh Linh (2011)



và luôn ở dưới mức cảnh báo của IMF. Dựa vào Bảng 1, lượng kiều hối năm 2010 là 8 tỷ USD, tăng 27% so với năm 2009, trong khi đó lượng FCD chỉ tăng 0,87%, điều này chứng tỏ con số 16,6% chưa thực sự đánh giá đúng mức độ ĐLH ở nước ta là do còn có một lượng lớn ngoại tệ được cất trữ trong dân chúng. Theo cán cân thanh toán năm 2009 của Việt Nam, tổng thu ngoại tệ trừ đi tổng chi ngoại tệ dương 4 tỷ USD, song NHNN vẫn phải mất thêm 8,8 tỷ USD để giữ ổn định tỷ giá, có lẽ lượng ngoại tệ 12,8 tỷ USD đã do dân chúng nắm giữ (T.H, 2010). Với chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam tăng cao trong những tháng đầu năm 2011, tuy đã giảm trong hai tháng gần đây nhưng cũng đã đưa mức lạm phát tính đến tháng 9/2011 là 16,63%. Nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP, ngày 24/2/2011 và đi kèm cùng với nhiều chính sách khác tác động đến thị trường ngoại tệ và thị trường tiền tệ.

- Nghị định 95/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 202/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Với mức xử phạt còn thấp quy định tại Nghị định 202 nên hiệu quả đem lại chưa cao, do đó Nghị định 95 đã nâng mức phạt

Bảng 2: Các chính sách Chính phủ và NHNN đã ban hành và tác động nhằm hạn chế tình trạng ĐLH

Ngày ban hành	Văn bản	Nội dung chính	Ngày hiệu lực
20/10/2011	95/2011/NĐ-CP	Liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.	20/10/2011
06/10/2011	2209/QĐ-NHNN	Lãi suất vượt DTBB đối với USD: 0,05%/năm	10/10/2011
07/9/2011	02/CT-NHNN	Chấn chỉnh thực hiện quy định mức lãi suất huy động.	07/9/2011
31/8/2011	27/2011/TT-NHNN	DTBB đối với USD của tổ chức tín dụng (TCTD) ở nước ngoài là 1%.	01/9/2011
29/8/2011	20/2011/TT-NHNN	Quy định mua, bán ngoại tệ tiền mặt của cá nhân với TCTD được phép.	15/10/2011
26/8/2011	1925/QĐ-NHNN	DTBB đối với USD: 8% (tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 12 tháng); 6% (tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng)	01/9/2011
12/8/2011	15/2011/TT-NHNN	Giới hạn ngoại tệ tiền mặt USD khi xuất nhập cảnh không khai báo hải quan là 5000 USD.	01/9/2011
01/6/2011	1209/QĐ-NHNN	DTBB đối với USD: 7% (tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 12 tháng); 5% (tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng)	02/6/2011
01/6/2011	14/2011/TT-NHNN	Lãi suất tối đa huy động USD: 2%/năm (cá nhân); 0,5%/năm (tổ chức)	02/6/2011
31/5/2011	13/2011/TT-NHNN	Quy định việc mua bán ngoại tệ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.	01/7/2011
09/4/2011	750/QĐ-NHNN	DTBB đối với USD: 6% (tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 12 tháng); 4% (tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng)	01/5/2011
09/4/2011	09/2011/TT-NHNN	Lãi suất tối đa huy động USD: 3%/năm (cá nhân); 1%/năm (tổ chức)	13/4/2011
03/4/2009	790/QĐ-NHNN	Lãi suất vượt DTBB đối với USD: 0,1%/năm	03/4/2009
24/3/2011	07/2011/TT-NHNN	Quy định cho vay bằng ngoại tệ của TCTD đối với khách hàng vay là người cư trú	09/5/2011
03/3/2011	02/2011/TT-NHNN	Lãi suất huy động vốn tối đa bằng VND là 14%/năm.	03/3/2011
24/02/2011	11/NQ-CP	Quy định giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.	24/02/2011
11/02/2011	230/QĐ-NHNN	Thu hẹp biên độ dao động tỷ giá USD/VND từ 3% xuống 1%	11/02/2011

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

lên 50-100 triệu đồng đối với các hành vi thực hiện không đúng quy định như cho vay, cho thuê tài chính hoặc trả nợ trong nước bằng ngoại tệ hay chuyển, mang ngoại tệ ra, vào Việt Nam hay thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ với người nước ngoài... Đối với việc niêm yết giá, quảng cáo hàng hóa, dịch vụ, quyền sử dụng đất bằng ngoại tệ không đúng quy định hay hoạt động xuất nhập khẩu ngoại tệ không có giấy phép của

NHNN sẽ bị phạt từ 300-500 triệu đồng. Bên cạnh việc nâng mức phạt, còn có các hình phạt bổ sung như tịch thu tang vật là số ngoại tệ, VND hoặc tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh tại các cơ sở hoạt động vi phạm pháp luật. Nhờ đó, việc bán hàng hóa và dịch vụ niêm yết bằng ngoại tệ hay tính bằng ngoại tệ giảm hẳn. Tuy nhiên, một số địa điểm ở khu vực phố cổ Hà Nội vào ngày 01/11/2011 có dịch vụ du lịch, quầy hàng lưu niệm

vẫn còn niêm yết và chấp nhận thanh toán bằng USD (Anh Minh, 2011). Do đó, cần phải tăng cường kiểm tra của các bên có liên quan đối với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế trong việc chấp hành quy định về quản lý ngoại tệ của nhà nước.

- Quyết định 2209/QĐ-NHNN quy định giảm lãi suất đối với tiền gửi vượt DTBB bằng ngoại tệ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại NHNN từ mức 0,1%/năm xuống còn 0,05%/năm nhằm làm giảm phần lãi ngoại tệ mà NHNN phải trả cho TCTD khi gửi dư phần tiền gửi ngoại tệ phải DTBB. Mục tiêu hướng đến của các TCTD là lợi nhuận nhưng hiện nay với nhiều quy định nhằm hạn chế, thu hẹp khả năng tăng trưởng tín dụng ngoại tệ nên TCTD phải gửi tại NHNN để hưởng một phần lãi. Phần lãi này giảm đi sẽ khiến cho các TCTD thay đổi chiến lược kinh doanh thay vì tập trung vào huy động ngoại tệ như trước đây.

- Chỉ thị 02/CT-NHNN chấn chỉnh việc thực hiện đúng quy định về mức lãi suất huy động bằng VND và USD. Trước khi có Chỉ thị này, hầu hết ngân hàng đều huy động 18-19%/năm, người dân và tổ chức bán ngoại tệ, lấy VND gửi ngân hàng hưởng lãi suất cao nhưng nay lợi thế đó không còn nên họ quay sang nắm giữ ngoại tệ hay vàng để bảo toàn giá

trị tài sản. Tuy nhiên, muốn ổn định giá trị VND thì điều kiện cơ bản là lạm phát phải hạ nhiệt và điều này thể hiện rõ khi chỉ số giá tiêu dùng CPI những tháng gần đây đang đi xuống, giá lương thực, thực phẩm đang giảm dần (Nguyễn Hoài, 2011).

- Thông tư 27/2011/TT-NHNN quy định về việc mở rộng đối tượng phải áp dụng DTBB bằng ngoại tệ. Theo đó, NHNN yêu cầu tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài thuộc diện tiền gửi phải DTBB với tỷ lệ quy định là 1% nhằm hạn chế tăng trưởng tín dụng ngoại tệ, tạo điều kiện ổn định thị trường tiền tệ và ngoại tệ.

- Quyết định 1925/QĐ-NHNN quy định tăng tỷ lệ DTBB đối với tiền gửi bằng USD lên 8% (tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 12 tháng) và lên 6% (tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng) nhằm hạn chế tăng trưởng tín dụng USD, khiến cho lượng ngoại tệ khả dụng cho vay của các TCTD giảm xuống. Tính đến tháng 8/2011, tổng huy động ngoại tệ của toàn hệ thống ngân hàng đạt khoảng 23 tỷ USD. Như vậy, khi DTBB tăng 1% thì lượng vốn ngoại tệ cho vay sẽ giảm khoảng 230 triệu USD và lượng vốn dự phòng cho rủi ro thanh khoản ngoại tệ cũng tăng lên tương ứng (Công ty Chứng khoán Bảo Việt, 2011). Kể từ ngày 1/9 Quyết định này có hiệu lực, tính đến ngày

29/9 thì dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ giảm 792 triệu USD, tương đương 2,81% so với cuối tháng 8/2011 (Minh Đức, 2011). Việc sử dụng công cụ DTBB đã tạo ra một khoảng chênh lệch giữa lãi suất tiền gửi nội tệ và ngoại tệ, cũng như lãi suất cho vay của nội tệ và ngoại tệ. Mục đích là buộc các ngân hàng thương mại (NHTM) phải hạ thấp lãi suất huy động USD và tăng lãi suất cho vay USD lên. Như vậy dân chúng sẽ không gửi USD, mà bán USD để gửi VND và doanh nghiệp cũng không thích vay bằng ngoại tệ, mà chuyển sang vay bằng nội tệ. Đặc biệt, ngân hàng sẽ thấy rằng thực hiện cho vay hoặc cho gửi bằng ngoại tệ sẽ không có lãi nhiều bằng việc kinh doanh đồng nội tệ.

- Thông tư 15/2011/TT-NHNN quy định việc giảm giới hạn cho phép cá nhân Việt Nam mang USD tiền mặt ra nước ngoài mà không có tờ khai hải quan là 5000 USD, được giảm từ mức 7000 USD trước đó. Với Thông tư này có thể hạn chế được lượng ngoại tệ mua dư thừa không sử dụng bị tuồn vào lưu thông hoặc gửi vào TCTD, từ đó có thể giảm được mức độ ĐLH tiền mặt hay ĐLH tiền gửi

- Thông tư 14/2011/TT-NHNN quy định lãi suất vốn huy động tối đa bằng USD của tổ chức, cá nhân tại TCTD lần lượt là 0,5%/năm và 2%/năm được giảm từ mức 1%/



năm và 3%/năm tương ứng. Việc giảm trần lãi suất huy động USD tạo ra tính kém hấp dẫn khi gửi USD, do đó sẽ tạo được nguồn cung USD cho thị trường khi người dân bán USD và gửi VND. Tính đến 30/8/2011, trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh lượng ngoại tệ huy động của các NHTM đã giảm 1,12% so với cuối năm 2010 (Mai Thảo, 2011) và đến 29/9/2011 thì huy động vốn ngoại tệ của hệ thống các TCTD từ nền kinh tế chỉ tăng 0,07% so với cuối tháng 8/2011, một tốc độ tăng rất thấp (Minh Đức, 2011). Điều này cho thấy việc đặt trần lãi suất huy động USD đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc giảm tiền gửi USD. Việc chuyển đổi từ VND sang USD hầu như không còn, góp phần ổn định sức mua đối ngoại của VND, tác động tích cực đến kiềm chế lạm phát theo đúng Nghị quyết 11 của Chính phủ.

- Thông tư 13/2011/TT-NHNN quy định các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thực hiện nghĩa vụ bán ngoại tệ cho TCTD được phép và được quyền mua lại ngoại tệ trong phạm vi số ngoại tệ đã bán từ TCTD được phép để phục vụ nhu cầu sử dụng ngoại tệ hợp pháp. Trước đó, việc các tổ chức, cá nhân giữ ngoại tệ trong tài khoản không bán cho ngân hàng được xem là một trong những nguyên nhân khiến thị trường ngoại tệ căng thẳng cung cầu, đẩy tỷ giá tăng cao. Thông tư này góp phần đưa thị trường ngoại

tệ đi vào ổn định, các doanh nghiệp không còn găm giữ ngoại tệ mà khẩn trương bán ra cho các NHTM và làm cho tình trạng chênh lệch tỷ giá USD/VND của các NHTM giao dịch với khách hàng và tỷ giá trên thị trường tự do thu hẹp khoảng cách, xấp xỉ ngang bằng nhau, khắc phục được cơ bản tình trạng đầu cơ ngoại tệ (Nguyễn Thị Thúy, 2011). Đồng thời, khi có nhu cầu ngoại tệ hợp lý, hợp pháp của các doanh nghiệp cho thanh toán hàng nhập khẩu, chi trả dịch vụ, trả nợ hay nhu cầu hợp lý và hợp pháp của người dân đều được các NHTM đáp ứng đầy đủ và kịp thời.

Giải pháp

Để hạn chế tình trạng ĐLH nền kinh tế, tác giả xin gợi ý một vài giải pháp:

Thứ nhất, cần giảm trạng thái ngoại tệ của các NHTM từ mức +/-30% vốn điều lệ hiện đang quy định tại Quyết định 1081/2002/QĐ-NHNN xuống còn +/-20% hay mức thấp hơn là 5-10%. Mức +/-30% nay đã không còn phù hợp bởi sau nhiều năm áp dụng thì quy mô vốn tự có của các TCTD đã tăng lên rất mạnh. Với giới hạn rộng như vậy, một số TCTD quy mô lớn có thể lợi dụng để đầu cơ ngoại tệ, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường ngoại tệ, nhất là thời điểm căng thẳng cung cầu ngoại tệ. Trước đây, khi vốn của ngân hàng cổ phần khoảng 200-300 tỷ đồng thì

được phép giữ 60-90 tỷ đồng bằng ngoại tệ, tương đương khoảng 5-10 triệu USD là hợp lý (Hải Lý, 2011); tuy nhiên đến nay vốn của các ngân hàng đã tăng lên hơn 10 lần, thấp nhất cũng phải 3000 tỷ đồng nên mức ngoại tệ được phép giữ tương ứng tùy thuộc vào sự thay đổi của tỷ giá là khoảng 40 - 50 triệu USD với trạng thái ngoại tệ là +/-30%. Đối với các ngân hàng quốc doanh hay NHTM cổ phần lớn thì con số này còn lớn hơn nhiều. Do đó, khi giảm trạng thái ngoại tệ thì lượng ngoại tệ được phép nắm giữ sẽ giảm, dẫn đến giảm đầu cơ ngoại tệ góp phần làm tỷ giá đi xuống, vị thế VND được nâng cao. Hiện nay, mới chỉ có dự thảo quyết định giảm trạng thái ngoại hối xuống 20% của NHNN. Vì vậy, NHNN cần sớm ban hành văn bản chính thức quy định về việc giảm trạng thái ngoại tệ để các TCTD thực hiện.

Thứ hai, tiếp tục tăng DTBB đối với tiền gửi ngoại tệ, có thể từ 8-10%. Với lượng ngoại tệ huy động sau khi gửi DTBB thì NHTM sẽ đem cho vay hoặc gửi tại có TCTD khác để kiếm lời. Lượng ngoại tệ DTBB tại NHNN thường không có lãi hoặc có lãi rất thấp đối với tiền gửi ngoại tệ vượt DTBB (vừa giảm từ 0,1% xuống còn 0,05%) nhưng NHTM vẫn phải trả lãi huy động cho khách hàng, nên khi nguồn ngoại tệ khả dụng tăng DTBB sẽ làm tăng chi phí vốn ngoại

tệ, do đó NHTM sẽ phải lựa chọn hoặc là giảm lãi suất huy động hoặc tăng lãi suất cho vay. Lãi suất huy động USD đã khá thấp nên việc tăng lãi suất cho vay ngoại tệ sẽ được cân nhắc. Với quyết tâm kéo mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND về mức 17-19% của NHNN, lãi suất cho vay bằng ngoại tệ tăng lên sẽ giúp thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa lãi suất cho vay VND và USD, từ đó làm giảm nhu cầu vay ngoại tệ của doanh nghiệp.

Thứ ba, NHNN cần thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi (BHTG). Hiện tại, mô hình BHTG Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước, do nhà nước thành lập, nắm quyền sở hữu và quản lý, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận theo nguyên tắc được bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí. Tuy nhiên mô hình BHTG Việt Nam còn khá mơ hồ, không rõ là doanh nghiệp hay không phải là doanh nghiệp dẫn đến cơ chế bảo hiểm không rõ ràng, vì thế nên sự phối hợp hoạt động giữa BHTG Việt Nam và NHNN còn nhiều bất cập, thiếu chủ động do không rõ bên nào là cơ quan đầu mối thực hiện (Cẩm Tú, 2011). Đồng thời nên nâng mức BHTG đối với tiền gửi bằng VND lên thay vì bảo hiểm với mức cao nhất 50 triệu đồng như hiện nay được quy định tại Nghị định 109/2005/NĐ-CP bao gồm cho tất cả

các khoản gốc và lãi, nếu vượt quá mức 50 triệu đồng thì phần còn lại sẽ nhận được trong quá trình thanh lý tài sản của ngân hàng. Trên thực tế có nhiều người đã gửi số tiền trên mức 50 triệu đồng và trong bối cảnh lạm phát hiện nay thì đây cũng không phải là một con số lớn đối với một gia đình trung lưu thành thị. Hay trong lúc thị trường chứng khoán đang tạm lắng, không ít nhà đầu tư đã chuyển sang gửi tiết kiệm ngân hàng lên tới hàng trăm triệu đồng hoặc hơn. Vì thế mức chi trả bảo hiểm hiện tại ít nhiều không còn phù hợp với thực tế, nhất là khi thế giới đang có xu hướng tiến tới mức bảo hiểm toàn giá trị khoản tiền gửi (Đỗ Lê Phương, 2011). Bên cạnh đó, đối với tiền gửi ngoại tệ thì có thể không được bảo hiểm hoặc bảo hiểm khoảng 60-70% giá trị khoản tiền gửi nếu ngân hàng phá sản. Điều này sẽ không kích thích người dân gửi ngoại tệ và sẽ làm tăng lợi thế hơn cho VND. Việc bảo hiểm này chỉ nên áp dụng với khách hàng gửi tiền là cá nhân vì họ không có điều kiện tham gia sản xuất kinh doanh, không có điều kiện tiếp cận thông tin, còn các tổ chức thì có mục đích kinh doanh nên phải chấp nhận rủi ro và không được BHTG.

Thứ tư, dần chuyển quan hệ gửi – vay ngoại tệ sang quan hệ mua – bán ngoại tệ. Người dân hay doanh nghiệp có



ngoại tệ phải bán cho ngân hàng, khi có nhu cầu lại đến ngân hàng mua. Việc này tuy có thể làm giảm nguồn cung ngoại tệ từ nguồn kiều hối chuyển về nước để gửi tiết kiệm như trước đây, họ sẽ tìm kênh đầu tư khác để nâng cao giá trị tài sản, do đó nguồn cung ngoại tệ để tăng dự trữ quốc gia, góp phần cải thiện cán cân thanh toán sẽ bị giảm. Với mức trần lãi suất huy động USD như hiện nay không hẳn sẽ làm cho lượng kiều hối gửi về giảm do lãi suất USD ở Việt Nam vẫn còn cao hơn so với các nước khác (Minh Giang, 2011). Tuy nhiên, để giải quyết dứt điểm tình trạng ĐLH, cần phải đánh đổi việc giảm nguồn cung ngoại tệ trong ngắn hạn từ nguồn kiều hối để nhận lại được một lượng vốn lớn hơn trong dài hạn từ các nguồn như FDI, FPI hay ODA khi nền kinh tế Việt Nam phát triển ổn định, bền vững.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, thực thi các



quy định nghiêm ngặt với chế tài mạnh, triệt để đối với các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh hay các TCTD để giảm thiểu các hành vi vi phạm theo quy định quản lý ngoại tệ.

Kết luận

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp đang thi hành và áp dụng thêm các giải pháp gợi ý có thể làm giảm được mức độ ĐLH trong nền kinh tế Việt Nam, qua đó góp phần nâng cao vị thế của VND, hướng đến mục tiêu “Trên lãnh thổ Việt Nam chỉ sử dụng đồng tiền Việt Nam”

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục thống kê (2011).
2. Công ty Chứng khoán Bảo Việt (2011), Báo cáo vĩ mô tháng 8/2011.
3. Lê Phan Thị Diệu Thảo (2011), Giải bài toán ĐLH ở Việt Nam, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 9/2011.
4. Nguyễn Minh Cường (2011), Cung tiền tháng 8 tăng đột biến, lý do và hệ quả, <http://www.sgt.com.vn/Goc-nhin/152799/Cung-tien-thang-8-tang-dot-bien-ly-do-va-he-qua.html>.
5. Minh Đức (2011), NHNN: đủ điều kiện và giải pháp bình ổn tỷ giá, <http://vneconomy.vn/2011100506297569POC6/ngan-hang-nha-nuoc-du-dieu-kien-va-giai-phap-binh-on-ty-gia.htm>
6. Minh Giang (2011), Chấm dứt cho vay và huy động USD, <http://tamnhin.net/Dau-tu/10445/Cham-dut-cho-vay-va-huy-dong-USD.html>
7. Vũ Giang (2011), Kinh nghiệm chống ĐLH của các nước, <http://www.ktdt.com.vn/news/detail/290690/kinh-nghiem-chong-do-la-hoa-cua-cac-nuoc.aspx>.
8. Văn Hiếu (2010), Năm 2011 sẽ điều hành chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt, <http://vov.vn/Home/Nam-2011-se-dieu-hanh-chinh-sach-tien-te-chu-dong-linh-hoat/201012/162954.vov>.
9. Nguyễn Hoài (2011), Tiếp tục điều chỉnh tỷ giá: khổ vì đa mục tiêu, <http://vneconomy.vn/2011101201029108POC6/tiep-tuc-dieu-chinh-ty-gia-kho-vi-da-muc-tieu.htm>.
10. T.H. (2010), Giải pháp nào để USD không bị cất giữ?, <http://bee.net.vn/channel/4542/201009/Giai-phap-nao-de-USD-khong-bi-cat-giu-1768142/>.
11. Thanh Loan (2011), TS. Lê Xuân Nghĩa trả lời về giải pháp chống đô la hóa, <http://108x.org/thong-tin-kinh-te-tong-hop/trong-nuoc/139-giai-phap-chong-do-la-hoa>.
12. Khánh Linh (2011), NHNN sẽ tiếp tục bán ngoại tệ để ổn định thị trường, <http://cafef.vn/2011100506331663CA34/nhnn-se-tiep-tuc-ban-ngoai-te-on-dinh-thi-truong.chn>.
13. Hải Lý (2011), “Liều thuốc giảm trạng thái ngoại hối”, <http://laodong.com.vn/Tin-Tuc/Lieu-thuoc-giam-trang-thai-ngoai-hoi/32989>.
14. Anh Minh (2011), Niềm yên dịch vụ bằng USD: điếc không sợ súng, <http://vtc.vn/1-307726/kinh-te/ni-em-yet-dich-vu-bang-usd-diec-khong-so-sung.htm>.
15. Đỗ Lê Phương (2011), Mong manh bảo hiểm tiền gửi, <http://cafef.vn/2011511144149281CA34/mong-manh-bao-hiem-tien-gui.chn>.
16. Minh Thúy (2011), Ngân hàng Nhà nước: Có đầy đủ cơ sở để ổn định tỷ giá cuối năm, <http://www.vietnamplus.vn/Home/NHNN-Co-day-du-co-so-de-on-dinh-ty-gia-cuoi-nam/201110/108328.vnplus>.
17. Cẩm Tú (2011), “Bài trả lời phỏng vấn Đài Tiếng nói Việt Nam của Luật gia Trần Vũ Hải, Trường Đại học Luật Hà Nội, <http://luattaichinh.wordpress.com>.
18. Mai Thảo (2011), TPHCM tin dụng ngoại tệ tăng, <http://cafef.vn/20110830053112320CA34/tp-ho-chi-minh-tin-dung-ngoai-te-tang-1966-huy-dong-giam-112.chn>.
19. Chu Thị Minh Trí, Nguyễn Thị Thúy (2011), Thành công ban đầu của các giải pháp quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát theo nghị quyết của Chính phủ, <http://www.sbv.gov.vn/wps/wcm/connect/776c020047ada27ca039a65a7ebb705e/chu+minh+tri.pdf?MOD=AJPERES&CACHEID=776c020047ada27ca039a65a7ebb705e>.
20. Thanh Xuân, Anh Vũ (2011), Hơn 8 tỷ USD kiều hối, <http://www.thanhnien.com.vn/Pages/20110104/hon-8-ti-usd-kieu-hoi.aspx>.
21. Connie Mack (1999), Basics of Dollarization, Joint Economic Committee Staff Report.
22. IMF (2006-2010), Staff Country Report No. 06/22, January 2006; No. 07/386, December 2007; No. 09/110, April 2009; No. 10/281, September 2010.